

Số: 200./TB-BVNĐ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Phụ kiện thiết bị, vật tư hóa chất y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Đồng 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức kế hoạch mua sắm bổ sung Phụ kiện thiết bị, vật tư, hóa chất y tế theo danh mục đính kèm tại Phụ lục 1.

Kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp các mặt hàng trên tham gia gửi báo giá về Bệnh viện Nhi Đồng 2 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Đồng 2.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Trần Phi Phượng Thi
 - Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế.
 - Số điện thoại: 033.609.9754
 - Email: vttb@benhviennhi.org.vn.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Bản giấy và file mềm excel theo mẫu phụ lục 2 đính kèm.
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng VT-TBYT. Địa chỉ: Số 14 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.
 - Nhận qua email: vttb@benhviennhi.org.vn.
- Thời gian tiếp nhận báo giá:
Từ 07h ngày 05 tháng 01 năm 2024 đến trước 16h ngày 01 tháng 02 năm 2024
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá:
Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Phụ lục 1 đính kèm;

2. Bảng báo giá: Theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm;
3. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (bằng tiếng Việt);
4. Các thông tin khác (nếu có)

Các đơn vị tham gia chào giá có thể liên hệ số điện thoại: 028.38295723 – 453 để tìm hiểu thêm thông tin.

Bệnh viện Nhi Đồng 2 kính mời đại diện các đơn vị nộp bản báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VT-TBYT(BTTH, 02).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PHẠM NGỌC THẠCH



Phụ lục 1: Danh mục yêu cầu báo giá

(Đính kèm Thông báo số: LC/.../TB-BVND2 ngày .02. tháng .02. năm 2024)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1. Bộ hóa chất xét nghiệm sử dụng cho Máy hãng Diamond, Model: Smartlyte (Hoặc tương thích với Máy Smartlyte)				
1.1	Hộp thuốc dùng để chạy ion đồ	Thuốc thử điện giải (Na, K, Ca). Tương thích vảy máy ion đồ Smartlyte	74.400	mL
1.2	Dung dịch QC máy ion đồ	Dung dịch dùng để QC máy ion đồ. Dạng lỏng. Tương thích vảy máy ion đồ Smartlyte	1.296	mL
2. Bộ hóa chất xét nghiệm khí máu sử dụng cho Máy GEM Primer 3500 (Hoặc tương thích với Máy GEM3500)				
2.1	Cartridge đo các thông số khí máu (pH, pCO2, pO2)/điện giải (Na, K, Ca)/Glucose và Lactate/Hct	Tương thích với máy GEM 3500 Quy cách: 300 mẫu/hộp	16	Hộp
2.2	Cartridge đo các thông số khí máu (pH, pCO2, pO2)/điện giải (Na, K, Ca)/Glucose và Lactate/Hct	Tương thích với máy GEM 3500 Quy cách: 150 mẫu/hộp	34	Hộp
3. Bộ hóa chất xét nghiệm điện di bằng phương pháp điện di mao quản.				
3.1	Hóa chất điện di đậm	Hóa chất điện di protein huyết thanh. Thành phần: SPE Bufferer, SPE Diluent	5.600	mL
3.2	Dung dịch đệm rửa máy điện di	Dung dịch đệm được sử dụng để phân tách các loại protein bằng phương pháp điện di. Thành phần: Maintenance Buffer.	5.000	mL
3.3	Dung dịch rửa máy điện di	Hóa chất rửa để phân tách các loại protein bằng phương pháp điện di. Thành phần gồm Storage Buffer	5.000	mL
3.4	Hóa chất kiểm chuẩn điện di đậm Normal	Hóa chất Control cho xét nghiệm điện di protein. Thành phần: Cetrol Serum Control – Normal, là hỗn hợp huyết thanh người được xử lý bằng phương pháp làm đông khô.	40	mL
3.5	Hóa chất kiểm chuẩn điện di đậm Abnormal	Hóa chất Control cho xét nghiệm điện di protein. Thành phần: Cetrol Serum Control – Abnormal, là hỗn hợp huyết thanh người được xử lý bằng phương pháp làm đông khô.	40	mL
Phụ kiện thiết bị, vật tư, hóa chất y tế không theo bộ				
1	Bộ dây tương thích với máy thở không xâm lấn Hãng Wilamed	Bộ dây thở sơ sinh, đường kính $\geq 10\text{mm}$, đã bao gồm: Van tạo nCPAP WilaFlow Legacy tích hợp điện trở nhiệt, đoạn dây kéo dài sử dụng cho lồng ấp và gọng mũi (prongs mũi), size S,M,L.	30	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
2	Bộ lọc khí mê cho máy Drager	Bộ lọc khí mê loại tròn, sử dụng tương thích với máy mê Drager.	20	Cái
3	Bộ phận đầu khóa cảm biến áp lực, chuyển tín hiệu áp lực đến bộ phận cảm biến niệu dòng	Bộ phận gắn đầu khóa cảm biến áp lực. Đầu nối: Male	3	Cái
4	Bộ sonde đo áp lực hậu môn trực tràng 8 kênh	Ống được thiết kế đặc biệt để đặt nội khí quản dễ dàng Bong bóng thể tích 400mL không latex Đánh dấu cho vị trí bóng bay Có thể được sử dụng kết hợp với các hệ thống vận động ở trạng thái rắn hoặc được tưới máu bằng nước.	5	Bộ
5	Bóng nong thực quản	Loại CRE. Chất liệu Pebax, siêu bền không thấm nước. Dùng nong đường mật hoặc cơ vòng. Chiều dài bóng 5.5cm. Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 10-11-12mm tương thích với 3-5-8ATM. Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 12-13.5-15mm tương thích với 3-4.5-8ATM. Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 15-16.5-18mm tương thích với 3-4.5-7ATM. Đường kính dây dẫn bóng 7.5Fr dài 180cm. Có ngã luồn guidewire 0.035 inch.	1	Cái
6	Cán dây loop và loop sheath	Cán dây loop: Dùng gấp lọng thắt. Chiều dài 2300mm. Đường kính dây dẫn 2.1mm, tương thích với đường kính kênh sinh thiết ống soi tối thiểu 2,8mm. Sử dụng nhiều lần. Loop Sheath: Chất liệu kim loại, dài 2,3m.	1	Cái
7	Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ	Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ - Sản xuất bằng nhựa PP - Cân nặng 670gr - KT: D x R x C(265mm x 194x 68mm) - Phần nắp: gồm 2 mặt • Mặt 1: Gồm có logo, tên hộp thuốc và sơ đồ chẩn đoán. • Mặt 2: Có sơ đồ chẩn đoán nằm đối xứng với mặt.	66	Hộp
8	Kềm sinh thiết dưới	Loại Radial Jaw™4, dây màu cam. Đầu kèm răng cưa mịn, linh hoạt tự điều khiển áp sát thành khi lấy mẫu đoạn khó. Đường kính 2.2mm dài 240cm.	5	Cái
9	Microcup (máy Rmax)	Ống bằng thủy tinh có tráng silicon để chiết thuốc thử, chất kiểm định, huyết tương hiệu chuẩn	1	Hộp
10	Overtube thực quản	Chất liệu nhựa, phù hợp với ống soi có đường kính ngoài 8.8 mm.	1	Cái
11	Túi silo silicon các cỡ (4cm - 10cm)	Túi silo silicon các cỡ (4cm -10cm)	10	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
12	Bộ đo huyết áp bằng cơ	Bao gồm: - Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg Độ chính xác ± 3 mmHg - Hệ thống ống dẫn khí : bộ bao vải túi hơi + quả bóp có van - Yêu cầu có dán tem kiểm định	50	Cái
13	Bộ lọc khí thở ra dùng 1 lần (sơ sinh), tương thích với máy giúp thở Bennett 840 và 980	Bộ lọc khí thở ra tương thích máy giúp thở Bennett 840, 980. Hiệu quả lọc vi rút và vi khuẩn $\geq 99,99\%$ Khả năng chống dòng chảy dưới $\leq 3,0$ cm H ₂ O ở 30 L/Phút khi mới. Độ thâm nhập $<0,03\%$ ở lưu lượng khí 30 L/phút	200	Bộ
14	Bộ lọc khí thở ra dùng nhiều lần (trẻ em và người lớn), tương thích với máy giúp thở Bennett 980	Phụ kiện tương thích với máy giúp thở Bennett 980, kèm bẫy nước Hiệu quả lọc vi rút / vi khuẩn $\geq 99,999\%$ Khả năng chống chảy: $\leq 0,7$ cm H ₂ O ở 30L / Phút và $0,35$ cm H ₂ O ở 15L/Phút khi mới. Hiệu suất lọc hạt: Tối thiểu 99,97%, kích thước hạt danh nghĩa $0,3\mu\text{m}$ ở lưu lượng 30L/phút.	40	Bộ
15	Ambu Bag 250ml	Bao gồm: - Bóp bóng bằng silicon 280ml. - Mask silicon các size 1. - Túi chứa Oxy 1.000ml. - Càng +Peepvan - Ống oxy dùng một lần 2.1 mét.	14	Bộ
16	Bộ lọc khí thở ra dùng nhiều lần (trẻ em và người lớn), tương thích với máy giúp thở Bennett 840	Bộ lọc khí thở ra dùng nhiều lần tương thích với máy giúp thở Bennett 840, kèm bẫy nước - Đầu nối đầu vào: đầu nối 22mm - Khả năng chống chảy: $\leq 2,5$ cm H ₂ O ở 100L / Phút khi - Kích thước: Đường kính 11,7 cm x dài 12,7 cm $\pm 5\%$ - Thể tích bên trong: ≥ 400 mL. - Hấp ở nhiệt độ: ≤ 135 độ C (275 độ F)	32	Bộ
17	Bộ lọc nước (Đầu lọc nước rửa tay diệt khuẩn)	Sử dụng liên tục 31 ngày không cần hấp tiệt trùng. Hai màng lọc, một màng lọc thể tích cao không đối xứng PES 0,2 micron và màng lọc đối xứng PES 0,1 micron. Diện tích màng lọc 547 cm ² . Tốc độ lọc 6 lít/phút ở áp lực 3 bar. Trọng lượng quả lọc 105 g.	155	Cái
18	Bóng kéo sỏi 3 kênh	Bóng kéo sỏi 3 kênh: chất liệu cao su, chiều dài trên 2.3m. Dùng cho kênh sinh thiết đường kính 4.2mm	2	Cái
19	Co nối thẳng dùng nhiều lần	Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 134oC. Đầu nối: 10-22 mm.	18	Cái
20	Kẹp cầm máu da đầu	Dài 26cm - 10 1/4"	200	Cái
21	Kẹp lưỡng cực chống dính, đầu tip titanium	Kẹp lưỡng cực, loại chống dính, hình lưới lê, dài 20cm, đầu tip thẳng, 0.6mm	6	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
22	Kiểm kẹp clip mổ mở cỡ L, dài 20cm, cong 20 độ, kẹp clip cỡ L	Kiểm kẹp clip mổ mở L, chiều dài tối thiểu 20 cm, cong 20 độ, kẹp clip cỡ L, tương thích với clip kẹp mạch máu polymer Hem-o-lok	2	Cái
23	Kiểm kẹp clip mổ mở ML, dài 20 cm, cong 20 độ, kẹp clip cỡ ML	Kiểm kẹp clip mổ mở ML, chiều dài tối thiểu 20 cm, cong 20 độ, kẹp clip cỡ ML, tương thích với clip kẹp mạch máu polymer Hem-o-lok	2	Cái
24	Kim điện cực dài 69 mm, mũi dài 3mm	Kim điện cực dài 69 mm, mũi dài 3mm - Sử dụng nhiều lần - Chống dính tốt - Chất liệu Bạc. - Hấp được nhiệt độ cao 135oC	50	Cái
25	Kiểm kẹp clip polymer mổ mở cỡ XL, dài 28 cm, gấp góc, kẹp clip cỡ XL	Kiểm kẹp clip polymer mổ mở cỡ XL, dài 28 cm, gấp góc, kẹp clip cỡ XL	2	Cái
26	Mặt nạ thanh quản	Kích cỡ: 1.5; 2; 2.5; 3; 4; 5 Ống cong gần 90 độ; 1 kênh phụ để thoát khí ợ hơi và hút dịch dạ dày, áp lực bóng 40-60cmH2O	30	cái
27	Rọ lấy sỏi loại cứng, dùng nhiều lần	Kết cấu 4 dây đơn, dài 200cm Độ kéo dẫn rọ 50-60mm, độ mở rọ 25-30mm Tương thích với kênh sinh thiết từ 2.8mm trở lên Dùng 1 lần	1	Cái
28	Rọ lấy sỏi niệu quản size 3Fr	Chất liệu : Nitinol siêu đàn hồi. Độ mở dài của rọ chứa : 40mm ± 1%. Đường kính 12mm ± 1%. Đầu tip dài 3mm ± 1% Rọ size 3Fr, 4 dây wires hình xoắn ốc Helical , chiều dài ≥ 90cm	5	Cái
29	Túi dự trữ oxy loại lớn	Túi chứa oxy dùng thay thế trong bóp bóng giúp thở, loại 2500ml	14	Cái
30	Túi dự trữ oxy loại nhỏ	Túi chứa oxy dùng một lần, thể tích 600ml	200	Cái
31	Kềm sinh thiết dùng nhiều lần, loại cứng, hàm hoạt động đôi, cỡ 4 Fr, dài 60 cm	Kềm sinh thiết dùng nhiều lần, loại cứng, hàm hoạt động đôi, cỡ 4 Fr, dài 60 cm	5	Cái
32	Van trái khế Silicon, cỡ 6 mm	Van trái khế Silicon, cỡ 6 mm, hấp tiệt trùng được.	42	Gói
33	Bẫy nước của module EtCO2 tương thích với máy theo dõi bệnh nhân hãng Advanced	Bẫy nước của module EtCO2 tương thích với máy theo dõi bệnh nhân hãng Advanced	6	Cái
34	Chất tẩy rửa, khử khuẩn dụng cụ y tế. Chất tẩy rửa kiềm và enzyme	Mật độ ở 20°C: 1,18 Kg/l pH (1% sol. trong nước khử khoáng ở 20°C): 11,5 Thành phần :Kali hydroxit, silicat, polyacrylat. Thể tích tối thiểu 5 lít.	15	Can
35	Dung dịch sát khuẩn bề mặt, chứa hydrogen peroxide 3%	Hoạt chất: Hydrogen peroxide 3 % (w/w), Ion Ag 0,003 % (w/w). Can tối thiểu 5L	63	Can

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
36	Dung dịch xử lý các mảng bám biofilm trên dụng cụ inox	Thành phần chính: Triethanolamine 8%, Ethoxylated Alcohol 5%. Chai tối thiểu 750ml	3	Chai
37	Dung dịch xử lý oxi hóa, gỉ sét trên dụng cụ inox	Thành phần chính: Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5%. Chai tối thiểu 750ml	3	Chai
38	Hóa chất rửa/bảo quản quả lọc thận	Thành phần dung dịch chứa: chất hoạt động: Hydrogen peroxide: 19%. Peracetic acid: 4,5%. Thành phần bất hoạt: Acetic Acid: 15% - Chất tro: 61,5 %. Công dụng: làm sạch và khử trùng quả lọc thận nhân tạo. Can tối thiểu 5L	96	Can
39	Dung dịch phun khử khuẩn các bề mặt bằng đường không khí, tương thích với các chất liệu bề mặt	Thành phần: peracetic acid + hydrogen peroxide + acetic acid. Không có aldehyde và kim loại nặng. Chai tối thiểu 2L	138	Chai
40	Hỗn hợp gel bạc làm mềm và sát khuẩn vết thương	Tuýp chứa ion bạc alginate vô trùng, có cannula dài, hàm lượng bạc 12 mg/g, pH: 6,5 - 7,5. Khối lượng tối thiểu 15 gram	300	Tuýp
41	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm. Gồm: miếng xốp các size, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định.	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ trung, dùng với máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ, gồm: - Băng bọt xốp cỡ trung (Size M: 16,0 x 12,5 x 3,0 cm), vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp nhỏ 400-600 micromet đồng nhất giúp phân bố lực hút đồng đều, tối ưu hoá quá trình phát triển mô hạt và hạn chế tổn thương thứ cấp khi thay băng xốp - Đầu nối, vật liệu Silicone Elastomers - Ống dẫn, vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2,5mm, tốc độ hút dịch 22m/s - Đầu nối và ống dẫn liền khối tăng sự lưu kín khi hút dịch - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive (1 tấm 35 x 35 cm) - Đầu hút dịch và dây dẫn dịch được thiết kế liền khối bảo đảm sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch - Đầu hút dịch được tích hợp băng dán giúp tiện dụng khi thực hiện thao tác	462	Bộ
42	Kim dùng cho buồng tiêm dưới da, cỡ 20-22G, dài 15mm	Kim gập góc dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, các cỡ. Chất liệu: kim bằng thép không gỉ. Dây nối bằng polyurethane. Chiều dài ống dẫn từ kim đến đầu nối 250 mm. Kích cỡ: 20G (0,7mm) - 22G (0,9mm); Dài: 15 mm. Không chứa thành phần latex, PVC và DEHP. Đóng gói tiệt khuẩn từng cái	1.297	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
43	Túi máu đơn 250ml có chất CPDA-1 và có kẹp đầu dây	Gồm 1 túi nhựa PVC có thể tích 250ml chứa dung dịch chống đông CPDA-1 để chống đông và bảo quản máu trong 35 ngày	50	Cái
44	Bộ đo và đựng nước tiểu theo từng ml	Chất liệu: dây dẫn và túi chứa bằng PVC/PP. Khoang chứa và ống đo bằng Styrene acrylonitrile. Sản phẩm không chứa latex Cấu tạo: ống đo 40ml chia vạch đo từng 1ml, khoang hình hộp 500ml đo từng 5ml tăng dần lên trong mức đo từ 45ml đến 500ml; có 2 van 1 chiều chống trào ngược nước tiểu, trên túi có màng lọc, dây dài 1,2m nối khoang với túi chứa 2000ml có điểm lấy mẫu nước tiểu không cần kim, van xả gạt ngang (chữ T) được gấp gập vào túi Phụ kiện: móc và dây treo bộ đo nước tiểu	90	Bộ
45	Ống nghiệm EDTA K3 0,5 ml nắp xoắn vặn màu trắng	Ống nghiệm là ống cryotube nắp xoắn vặn. Hóa chất bên trong là EDTA kháng đông cho 0,5ml máu, có thể dùng máu mao mạch chuyên dùng cho các bệnh nhân nhi.	180.181	Ống
46	Ống thông tĩnh mạch trung tâm dành cho trẻ em, loại 1 nòng 3F	Kim dẫn đường sắc bén Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có dao mổ Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 3F, chiều dài 10cm, 1 nòng, kích cỡ nòng G22 Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	983	Cái
47	Ống thông (Catheter) trong chạy thận nhân tạo, loại 2 nòng	Catheter làm bằng polyurethane loại trắng, latex free, vô trùng, 2 đường, cỡ 6,5Fr dài 10/12cm, cỡ 8 Fr dài 10cm, cỡ 12 Fr dài 15/18cm, kim 18G/19G dài 7/5cm, 1 dây dẫn dài 60cm, 2 cây nong	280	Cái
48	Ống thông (catheter) đầu cong đặt thẩm phân phúc mạc cỡ 15F x 63cm	Ống thông (catheter) đầu cong đặt thẩm phân phúc mạc, 2 bóng chèn, chất liệu PTFE cỡ 15F x 63cm	90	Cái
49	Màng lọc diện tích 0,5m ² làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. Diện tích: 0,5 m ² , tiệt trùng	24	Cái
50	Màng lọc máu chất liệu cellulose triacetate, diện tích: 0,7 m ²	Nguyên liệu cellulose triacetate. Diện tích: 0,7 m ² . Độ dày thành sợi: 15 μm. Tiệt trùng	68	Cái
51	Bao chụp đầu đèn	Bao chụp đầu đèn: chất liệu màng PE trong suốt, tiệt trùng bằng khí E.O	76	Cái
52	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polyamide 6/66 số 10/0 dài tối thiểu 15 cm, kim tam giác 3/8C dài 5(±1) mm	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polyamide (Nylon) 6/66, 10/0 dài tối thiểu 15 cm, kim tam giác 3/8C dài 5(±1) mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon hoặc tương đương.	24	Tép

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
53	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polypropylene có chất bao phủ PEG số 3/0 dài tối thiểu 90 cm, hai kim tròn 3/8C dài 26 (±1) mm	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polypropylene có chất bao phủ PEG số 3/0 dài tối thiểu 90 cm, hai kim tròn 3/8C dài 26 (±1) mm, làm bằng hợp kim có chứa (Crom, Niken, Cu, Titan), kim phủ silicon	216	Tép
54	Chỉ không tan đa sợi chất liệu tơ tằm tự nhiên (silk) số 1 dài tối thiểu 60 cm, không kim	Chỉ không tan đa sợi chất liệu tơ tằm tự nhiên (silk) số 1 dài tối thiểu 60 cm, không kim	24	Tép
55	Chỉ không tan đa sợi chất liệu tơ tằm tự nhiên (silk) số 2/0 dài tối thiểu 60 cm, không kim	Chỉ không tan đa sợi chất liệu tơ tằm tự nhiên (silk) số 2/0 dài tối thiểu 60 cm, không kim	768	Tép
56	Chỉ không tan chất liệu tơ tằm tự nhiên (silk), số 4/0 dài tối thiểu 60 cm, không kim	Chỉ không tan chất liệu tơ tằm tự nhiên (silk), số 4/0 dài tối thiểu 60 cm, không kim	72	Tép
57	Chỉ không tan đa sợi chất liệu tơ tằm tự nhiên (silk) số 5/0 dài tối thiểu 60 cm, không kim	Chỉ không tan đa sợi chất liệu tơ tằm tự nhiên (silk) số 5/0 dài tối thiểu 60 cm, không kim	120	Tép
58	Chỉ tan trung bình đa sợi chất liệu Lactomer 9-1 số 2/0 dài tối thiểu 152 cm, kim tròn 1/2C dài 65(±1) mm	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiết trùng, đa sợi, tan trung bình, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate số 4/0, dài tối thiểu 152cm, kim tròn 1/2C dài 65(±1) mm. Thời gian tan hoàn toàn từ 56 - 70 ngày. Đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điển Mỹ và đạt còn 80% sau 2 tuần, 30% sau 3 tuần	144	Tép
59	Cannula động mạch trẻ em có lỗ thông Các cỡ 10-16Fr, co nối 1/4 dài 22,9 cm	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Chất liệu PVC và Silicon. Kích thước chiều dài 22.9cm, đường kính 8Fr-16Fr, co nối 1/4, có lỗ thông đuổi khí (vented). Cấu tạo: mặt vát, đầu canula có thành mỏng, thân canula có vòng xoắn chống gập.	500	Cái
60	Dây tạo nhịp tạm thời có bóng lưỡng cực	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực loại eledyn dùng với sheat 5F. Ống thông bằng chất liệu Polyurethane (PUR). - Điện cực và dây ngăn ngừa hình thành xung điện bằng thép không gỉ - Điện cực kích thích dài 110 cm. Ống thông có marker cách nhau mỗi 100 mm từ đỉnh để xác định độ sâu và vị trí của điện cực - Chiều dài điện cực: 5 mm, khoảng cách giữa 2 điện cực: 10 mm. - Thẻ tích bom bóng tối đa 1 cc - Đường kính bom phồng bóng định mức 8 mm - Tương thích Introducer 6F - Có kèm theo syringe 1,5 cc dùng để bơm bóng	50	Bộ
61	Co thẳng 1/4-1/4	Co nối thẳng vật liệu polycarbonate, có khóa luer lock. Cỡ: 1/4x1/4	40	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
62	Co thẳng 3/8-1/4	Co nối thẳng vật liệu polycarbonate, có khóa luer lock. Cỡ: 3/8-1/4	40	Cái
63	Ống thông dẫn đường (Guiding catheter / Sheath) can thiệp mạch máu, loại IM, JR các cỡ	Ống thông can thiệp mạch máu. Trục ống thông bằng chất liệu PTFE, lớp thép không gỉ bên xung quanh trục gia tăng độ cứng cho trục. Bề mặt ngoài của ống thông bằng nylon Pebax. Kích thước 5Fr; 6Fr; 7Fr; 8Fr. Đường kính trong 0,057 inch loại 5Fr; 0,070 inch loại 6Fr; 0,078 inch loại 7Fr; 0,088 inch loại 8Fr. Các loại: JR, JL, SBS, MP, IM, AL, AR, LCB, RCB, EG, HS, UTL1, UTL2	5	Cái
64	Ống thông mang bóng nong động mạch phổi	Bóng nong van động mạch phổi chất liệu Thermoplastic Elastomer, không giãn nở và siêu mỏng. Không chứa DEHP, không chứa Latex. Đường kính bóng: 2-30mm, chiều dài bóng: 2,0-10,0 mm. Áp lực bơm tối đa: 1,5-6,0 atm	72	Cái
65	Ống thông tĩnh mạch trung ương dành cho trẻ em 4,5Fr, loại 3 nòng	Catheter tĩnh mạch trung ương 3 đường trẻ em 4.5Fr (20,22,22Ga) dài 6/8/13cm; dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan mềm và linh hoạt, chống gãy gập dài 45cm x 0,018 inch; cây nong, bơm tiêm, kim thẳng hoặc kim Y, dao, hub cố định	50	Cái
66	Màng vá khuyết sọ tự tiêu 100 mm x 100 mm, dày 0,5mm	Chất liệu sinh học với 82% Poly-L-Lactic Acid và 18% Poly-Glycolic Acid tự tiêu, dày 0,5mm, cỡ từ 100 x 100mm, tự tiêu sau 12-18 tháng	10	Cái
67	Bộ dụng cụ thả dù có valve vãn cầm máu, các cỡ	Ống nong tương thích với guide wire 0,035". Loader nén dù trong suốt cho phép kiểm soát bóng khí. Kèm Y-connector có van cầm máu. 2 loại đầu cong 45° dài 800mm và 180° dài 800mm. Kích cỡ: 6F - 14F	10	Bộ
68	Phổi nhân tạo dành cho trẻ em. Phổi nhân tạo bằng polyethylene terephthalate, mặt trong phủ hợp chất sinh học chống đông máu	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Phổi nhân tạo bằng polyethylene terephthalate, mặt trong phủ hợp chất sinh học gốc hydrophilic chống đông máu. Bộ phận trao đổi nhiệt làm bằng vật liệu polyethylene terephthalate (PET). Thể tích bình chứa 1.200ml, có 2 màng lọc bên trong lỗ 30µm và 64µm, có van điều tiết áp lực âm/ dương diện tích màng trao đổi 0,67m ² , lưu lượng máu trao đổi 0,1 → 2 lít/phút. Cổng ra động mạch 1/4 inch, cổng vào tĩnh mạch 1/4 inch.	150	Cái
69	Phổi nhân tạo ECMO dùng cho bệnh nhân dưới 20kg	Bộ phổi nhân tạo ECMO dùng cho bệnh nhân dưới 20kg. Thời gian sử dụng phổi liên tục 30 ngày. Lưu lượng máu: 0,2 – 2,8 lít/phút. Lưu lượng khí: tối đa 5,6 lít/phút. Thể tích môi (priming): ≤ 90 ml Diện tích bề mặt trao đổi khí: 0,8 m ² . Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,15 m ² . Đầu nối nước Hansen coupling đường kính 1/2 inch. Cổng lấy mẫu động mạch: Luer lock. Chất liệu của các chi tiết: Sợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP). Sợi trao	28	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
		đôi nhiệt: Polyurethane (TPU). Thân phối: Polycarbonate (PC)		
70	Bóng kép nóng sàn não thất III	Catheter chất liệu polyurethane kèm tiếp hợp khóa xoay âm, nối với bóng kép silicone trong suốt, kèm 1 xi lanh 1ml, dùng trong thủ thuật nóng sàn não thất III	10	Bộ
71	Dù đóng lỗ thông còn ống động mạch (PDA), kích cỡ từ 5 - 18 mm	Dù đóng ống động mạch có profile phần động mạch chủ nhỏ, phủ Titanium, loại thân chuẩn và thân dài, 1 núm, có kèm cáp thả dù. Kích cỡ 5, 6, 7, 8, 10, 12, 15, 18mm	18	Cái
72	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ (ASD) các cỡ, kèm cáp thả dù được chỉ thị màu tương ứng kích cỡ dù. Kích cỡ 4 - 40mm	Dù đóng thông liên nhĩ bằng hợp kim nitinol được phủ lớp titanium làm giảm tối thiểu giải phóng Nikel. Công nghệ đan bện một núm kết nối với cáp thả dù và giúp khóa dù an toàn. Kèm cáp thả, tạo góc nghiêng 50° phù hợp với hình thái học của vách liên nhĩ. Miếng PET cho phép quá trình nội mạc hóa nhanh. Kích cỡ 4 - 40mm	6	Cái
73	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng	Dụng cụ cắt khâu nối đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi, tích hợp với tất cả các loại băng ghim cắt khâu nối nội soi. Chiều dài trục 16cm xoay băng đạn 360 độ, có khả năng gấp góc 45 độ mỗi bên với 10 điểm gấp góc. Chất liệu ghim titanium và thép không gỉ.	2	Bộ
74	Nẹp khóa đầu trên/dưới xương đùi/chày các cỡ	Nẹp khóa đầu trên/dưới xương đùi/chày. Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp khóa đầu trên xương đùi: thân nẹp có từ 2 đến 16 lỗ, dài từ 139mm đến 391 mm, thân nẹp rộng 18mm - Nẹp khóa đầu dưới xương đùi: nẹp có từ 4 đến 14 lỗ, dài từ 136mm đến 336mm. - Nẹp khóa đầu dưới xương chày: dày 5mm, rộng 16mm, đầu trên nẹp có 5 lỗ bắt vít, thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ, dài từ 120 đến 320mm - Nẹp khóa đầu dưới xương chày: chiều rộng 13,5mm, có 4 lỗ đầu sử dụng vít khoá đường kính 3,5mm và từ 4 đến 20 lỗ thân sử dụng vít khoá đường kính 4,5mm hoặc 5,0mm, dài từ 123mm đến 411mm	40	Cái
75	Ốc khóa trong trẻ em các cỡ. Hình tròn, bên trong rỗng, hình ngôi sao lục giác	Ốc khóa trong hình tròn, bên trong rỗng hình ngôi sao lục giác, đường kính 7,2mm, 5mm, vật liệu Titanium.	12	Cái
76	Thanh dọc trẻ em, chiều dài 150-200-250 mm	Tác dụng gắn kết các vít với nhau, cố định vững chắc cột sống. Thanh dọc tương thích với vít đơn trục, đa trục trẻ em. Kiểu dáng hình khối trụ, đường kính 4mm, chiều dài 150-200-250mm. Chất liệu titanium.	6	Cái
77	Thanh nối ngang trẻ em các cỡ kèm 2 ốc khóa trong	Vật liệu: hợp kim titanium. Nẹp nối ngang tương thích với đường kính nẹp dọc 5,5mm. Chiều dài từ 10mm - 75mm. Kèm theo 02 ốc khóa trong để siết chặt vào thanh dọc đường kính 5,5mm	2	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
78	Vật liệu nút mạch không tái thuốc hình cầu dùng trong tất dị dạng động mạch	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Kích thước hạt: 40 μm – 1.300 μm . Dạng lỏng chứa trong syringe 2ml	3	Lọ
79	Vít đa trục trẻ em. Đường kính 4,0 - 5,5mm	Chất liệu Titanium. Đường kính: 4,0mm; 4,5mm, 5,0mm, 5,5mm. Chiều dài: 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm. Đuôi vít dài 10mm	10	Cái
80	Buồng tiêm cấy dưới da cỡ 6,5F	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da 6,5F. Vỏ ngoài bằng chất liệu polysulphone và buồng chứa thuốc bên trong bằng titanium, có thể chịu được áp lực lên đến 325 psi (22,4 bar). Trọng lượng: tối đa 4 g, thể tích buồng: 0,25 ml. Đường kính nắp buồng 9,5 ($\pm 0,5$) mm, chiều cao 10,6 mm. Tương thích với chụp MRI. Ống thông (catheter) bằng vật liệu silicone dài 800 mm được đánh dấu cách nhau mỗi 1 cm. Đường kính ngoài 6,5F, đường kính trong 1,0 mm	12	Cái
81	Buồng tiêm cấy dưới da cỡ 8,5F	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da 8,5F. Vỏ ngoài bằng chất liệu polysulphone và buồng chứa thuốc bên trong bằng titanium, có thể chịu được áp lực lên đến 325 psi (22,4 bar). Trọng lượng: tối đa 4 g, thể tích buồng: 0,25 mL. Đường kính mặt buồng 9,5 ($\pm 0,5$) mm, cao 10,6 mm. Có 3 lỗ khâu để cố định buồng tiêm. Tương thích chụp MRI. Ống thông (catheter) bằng vật liệu silicone dài 800 mm được đánh dấu cách nhau mỗi 1 cm. Đường kính ngoài 8,5 F, đường kính trong 1,6 mm.	52	Cái
82	Đầu dò cắt amidan và nạo VA dùng một lần	Đầu Evac mổ amidan và nạo VA. Đầu thẳng, có thể uốn cong, chiều dài làm việc là 6 inches (chưa kể phần tay cầm). Cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút. Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới nước và hút	150	Cái
83	Miếng dán cảm biến theo dõi mức máu trong bể chứa	Miếng dán cảm biến theo dõi mức máu trong bể chứa, tương thích với cảm biến của máy System 1	540	Miếng
84	Bạc nitrat dùng cho kiểm nghiệm	Hóa chất bạc nitrat dùng cho kiểm nghiệm. Loại tinh khiết phân tích.	200	gam
85	Băng gạc thấm hút dịch tiết và giảm tải lực tỷ đè	Giúp duy trì và cân bằng ẩm, bao gồm 04 lớp: - Lớp keo dính với vùng da xung quanh nhưng không dính vào vết thương; - Lớp hydrogel khô có khả năng thấm hút cao; - Lớp bột biển; - Lớp màng thoát khí, ngăn nước và vi khuẩn xâm nhập Kích thước 10 x 10cm	30	Miếng
86	Bộ van dẫn lưu nhân tạo não thất màng bụng có khoang Delta kiểm soát hiện tượng Siphon	Delta shunt có 2 kích thước: 36 x 13 x 6mm hoặc 40 x 16,5 x 8mm, với 2 loại áp lực khác nhau: 1; 1.5. Catheter phủ lớp barium có đầu tip có đánh dấu bằng tantalum, giúp nhìn rõ dưới X-ray. Markers chiều dài		Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
		đánh dấu độ sâu đâm xuyên trong quá trình đâm vào. Kèm kẹp góc phải giúp chống gãy dây dẫn dịch não thất tại lỗ dẫn lưu. Catheter đường kính trong là 1,3mm và đường kính ngoài là 2,5mm. Chiều dài catheter não thất: 23cm. Chiều dài catheter ổ bụng: 90cm. Van có thiết bị kiểm soát hiện tượng siphon (chảy dịch quá nhiều do tác động của trọng lực lên cột nước trong catheter ổ bụng) cho phép bệnh nhân duy trì được áp lực nội sọ mà không bị ảnh hưởng bởi tốc độ dòng chảy của dịch não tủy hay tư thế của bệnh nhân.		
87	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu polypropylene số 5/0 dài tối thiểu 60 cm, 2 kim tròn đầu cắt 3/8C dài 9.3(±1) mm	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu polypropylene số 5/0 dài tối thiểu 60 cm, kim tròn 3/8C dài 9.3(±1) mm làm bằng hợp kim có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), thân kim có rãnh giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn	36	Gói
88	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polypropylene số 6/0 có chất bao phủ PEG dài tối thiểu 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C dài 13(±1) mm	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polypropylene số 6/0 có chất bao phủ PEG dài tối thiểu 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C dài 13(±1) mm làm bằng hợp kim có chứa (Crom, Niken, Cu, Titan), kim phủ silicon	108	Gói
89	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) số 4/0 dài tối thiểu 90 cm, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 17(±1) mm	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) số 4/0 dài tối thiểu 90 cm, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 17(±1) mm làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon hoặc tương đương. Lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3,53 N	72	Gói
90	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) số 7/0 dài tối thiểu 60 cm, 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C dài 6(±1) mm	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) số 7/0 dài tối thiểu 60 cm, 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C dài 6(±1) mm làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon hoặc tương đương. Lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3,53 N	72	Gói
91	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) số 8/0 dài tối thiểu 60 cm, 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C dài 6(±1) mm	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) số 8/0 dài tối thiểu 60 cm, 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C dài 6(±1) mm làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon hoặc tương đương. Lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3,53 N	72	Gói
92	Chỉ tan chậm đơn sợi chất liệu Polydioxanone số 3/0 dài 70 cm, kim tròn 1/2C dài 26 mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn SH plus dài 26mm 1/2 vòng tròn làm bằng hợp kim có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày	72	Gói
93	Điều ngải cứu (Nhang ngải cứu)	Chất liệu chứa lá ngải cứu khô Kích thước điều: 18mmx200mm (±10mm)	400	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
94	Kali permanganat	Kali permanganat (thuốc tím). Nguyên liệu dược dụng dùng để làm thuốc	500	gam
95	Kẽm oxit	Kẽm oxit. Nguyên liệu dược dụng dùng để làm thuốc	1	kg
96	Kim châm cứu nhĩ hoàn kích cỡ 0.22 x 1.5 mm	Kim châm cứu nhĩ hoàn kích cỡ 0.22 x 1.5 mm Hộp 100 miếng dán kim gài	1000	Cái
97	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần kích cỡ 0.18x15 mm (±5mm)	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần. Chất liệu thép không gỉ, dẫn điện. Kích thước thân kim 0.18mmx15mm (±5mm). Đóng gói vì giấy tối đa 05 cây. Hạn sử dụng tối thiểu 18 tháng.	17.000	Cái
98	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần kích cỡ 0.25 hoặc 0.3x25 mm (±5mm)	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần. Chất liệu thép không gỉ, dẫn điện. Kích thước thân kim 0.25 hoặc 0.3x25 mm (±5mm). Đóng gói vì giấy tối đa 05 cây. Hạn sử dụng tối thiểu 18 tháng.	20.000	Cái
99	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần kích cỡ 0.3x40 mm (±10mm)	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần. Chất liệu thép không gỉ, dẫn điện. Kích thước thân kim 0.3x40 mm (±10mm). Đóng gói vì giấy tối đa 05 cây. Hạn sử dụng tối thiểu 18 tháng.	4.000	Cái
100	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần kích cỡ 0.3x60 mm (±10mm)	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần. Chất liệu thép không gỉ, dẫn điện. Kích thước thân kim 0.3x60 mm (±10mm). Đóng gói vì giấy tối đa 05 cây. Hạn sử dụng tối thiểu 18 tháng.	2.000	Cái
101	Lọ nhựa 50ml có nắp đậy	Nhựa chịu nhiệt 70 độ, đường kính tối thiểu 3cm	3.000	Cái
102	Natri benzoat	Natri benzoat. Nguyên liệu dược dụng dùng để làm thuốc	1	kg
103	Than hoạt tính	Than hoạt tính. Nguyên liệu dược dụng dùng để làm thuốc	10	kg
104	Thảo dược ngâm chân	Thành phần 100% từ thảo dược (phù hợp cho trẻ em) Trọng lượng tối thiểu 950g	18	Gói
105	Van dẫn lưu nhân tạo não thất màng bụng có 3 loại áp lực kèm catheter có phủ thuốc kháng sinh Rifampicin và Clindamycin	Van được chế tạo từ các vật liệu polypropylen và silicone. Thiết kế bằng vật liệu phi kim loại bảo đảm không bị ảnh hưởng khi chụp MRI hay CT. Van có 3 kích thước: 32mm x 18mm x 7,5mm, 25mm x 12mm x 5,5mm và 20mm x 11mm x 4mm. Van có 3 loại áp lực: thấp, trung bình, cao tương ứng với 3 hệ áp lực 30-45/85-105/145-170 mmH ₂ O. Catheter phủ thuốc kháng sinh Rifampicin và clindamycin có thể chống nhiễm trùng tối đa, phủ barium giúp chụp X-Quang, MRI thấy được vị trí catheter. Catheter có đường kính trong là 1,3mm, đường kính ngoài là 2,5mm. Catheter não thất chiều dài: 23cm, catheter ổ bụng chiều dài: 120cm		Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
106	Băng bó bột chống thấm	Băng bó bột chống thấm Polyester - Premium, dùng 1 lần, dùng băng bó bột cố định xương trong CTCH. Chất liệu: vải Polyester. - loại 2 in. Kích thước: 5 cm x 4,0 m/ cuộn - loại 3 in. Kích thước: 7,5 cm x 4,0 m/ cuộn - loại 4 in. Kích thước: 10 cm x 4,0 m/ cuộn - loại 5 in. Kích thước: 12,5 cm x 4,0 m/ cuộn	100	Cuộn
107	Bao trùm kính hiển vi 170cm x 250cm	Bao trùm kính hiển vi, kích thước 170cmx250cm. Chất liệu: màng PE trong suốt. Tiệt trùng bằng khí EO.	364	Cái
108	Bơm tiêm 1ml tương thích với máy bơm tiêm tự động Terumo	Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng. Sử dụng được với máy bơm tiêm tự động Terumo. Dung tích 1cc	120	Cái
109	Bút đánh dấu phòng thí nghiệm, đầu nhọn, màu xanh	Bút đánh dấu phòng thí nghiệm, đầu nhọn, màu xanh	50	Cây
110	Chất trung hòa tính acid và tẩy rửa trong xử lý tự động dụng cụ và đồ thủy tinh	Tỷ trọng ở 20°C: 1,2 Kg/L. Thành phần: Axit citric. Thể tích tối thiểu 5 lít.	9	Can
111	Chỉ thép cố định hàm mặt	Chỉ thép cố định hàm mặt	2	Cuộn
112	Clip kẹp túi phình mạch máu các loại	Độ dài hàm kẹp 3; 4; 5; 7; 9; 12 mm Độ mở rộng hàm tối thiểu 6,2 mm, lực kẹp tối thiểu 150 gms Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip, bề mặt clip có răng chéo tăng ma sát, chất liệu titanium nguyên chất.	5	Cái
113	Cốc nhuộm hoá chất bằng thủy tinh có nắp	Cốc nhuộm hoá chất bằng thủy tinh có nắp. Bao gồm giá nhuộm.	20	Cái
114	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiệt trùng	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiệt trùng, không gây kích ứng da bệnh nhân, cho hơi nước thấm qua. Thể tích tối thiểu 300ml	11	Chai
115	Điện cực đo điện thính giác thân não	Điện cực đo điện thính giác thân não	1.152	Cái
116	Dụng cụ mở đường bằng coil kim loại dài 11cm	Dụng cụ mở đường với chức năng chốt tự động, với cổng nằm phía bên/van cầm máu và đỉnh kèm stopcock 3 ngã. Bề mặt của sheath phủ lớp ái nước và đầu tip có đánh dấu cản quang. Dây dẫn dạng cuộn kim loại dễ dàng uốn cong mà không bị xoắn vặn và phù hợp cho động mạch thận, mạch cảnh và thủ thuật xuyên vách. Chiều dài 7,5cm - 11cm, đường kính 5Fr - 10Fr	10	Cái
117	Giấy in nhiệt máy đo khúc xạ size 57mm	Giấy in nhiệt máy đo khúc xạ size 57mm	44	Cuộn

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
118	Kháng thể đơn dòng Calretinin dòng DAK-Calret 1 dạng cô đặc	Kháng thể đơn dòng Calretinin dòng DAK-Calret 1 dạng cô đặc, tối thiểu 1ml. Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0,05 mmol/L Tris/HCL, pH 7,2 và có chứa 15 mmol/L NaN ₃	2	Lọ
119	Kim Ống	Kim ống tẩy rửa gồm: kim ống, nắp kim ống, nắp đế đỡ. - Kim ống làm từ nhựa ABS - Nắp kim ống làm từ nhựa PP - Nắp đế đỡ được làm từ nhựa PE Chiều dài ống kim : 28±1mm Đóng gói từng bộ. Tiệt trùng.	19.019	Cái
120	Kim rửa tai	Kim rửa tai nhựa dùng 1 lần.	3.513	Cái
121	Lưỡi dao cạo tóc (Lưỡi tông đơ điện 3M vệ sinh tóc trước phẫu thuật)	Lưỡi dao cạo tóc (Lưỡi tông đơ điện 3M vệ sinh tóc trước phẫu thuật)	332	Cái
122	Lưỡi dao mổ màng não	Lưỡi dao mổ màng não dài 1,5mm	50	Cái
123	Methylene blue	Methylene blue dạng được dụng.	26	Chai
124	Nắp đậy, cỡ 5 mm, sử dụng với trocar cỡ 6mm	Nắp đậy, cỡ 5 mm, hấp tiệt trùng được, sử dụng với trocar cỡ 6mm.	42	Gói
125	Nẹp cố định các cỡ	Nẹp bó bột không dệt Polyester Chất liệu: vải Polyester Kích thước: 10 x 45 cm 10 x 85 cm 15 x 85 cm 15 x 85 cm	100	Cuộn
126	Nẹp nén ép bản nhỏ vít đường kính 3,5mm, 5 lỗ, dài 61mm	Nẹp nén ép bản nhỏ vít đường kính 3,5mm, 5 lỗ, dài 61mm	22	Cái
127	Nẹp nhôm ngón tay 3 chân	Hộp kim nhôm đặc biệt dễ uốn cong nhưng chắc chắn khi cố định. Lớp xốp mềm, thoáng khí	100	Cái
128	Nẹp nhôm ngón tay 4 chân	Gồm một miếng mousse T25 dày 5mm, một thanh nhôm dài 9cm, tấm mouse được dán trực tiếp lên thanh nhôm. Nẹp nhôm ngón tay được dùng trong gãy xương đốt ngón tay	2	Cái
129	Nón- phễu bảo vệ thực quản	Chất liệu cao su, đường kính trong 10mm, đường kính ngoài 3cm, chiều dài 5cm.	2	Cái
130	Nút đậy màng lọc thận	Nút đậy quả lọc thận	3.600	Cái
131	Ống bơm sử dụng với máy đo niệu động học, chiều dài 400cm	Ống nối từ bộ phận bơm đến catheter. Chất liệu: Polyvinylclorua (PVC)/ Silicone. Chiều dài 400 cm	8	Cái
132	Ống đo áp lực ổ bụng có bóng	Catheter đo áp lực ổ bụng, đầu bóng. Chất liệu: Polyvinylclorua (PVC) / Polyisoprene. Kích thước: 9Fr, dài 47cm	24	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
149	Gạc ép sọ não 1 x 2 x 4 lớp	Gạc ép sọ não làm từ vải không dệt ngấm, nguyên liệu là polyester và rayon hoặc polyester và viscose, được tiệt trùng. Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên Thời gian thấm nước, không lớn hơn 2 phút, đã tiệt trùng bằng khí EO, có dây. Kích thước: 1cm x 2cm x 4 lớp.	8.000	Miếng
150	Glycerin	Dạng lỏng sánh, trong	30	Kg
151	Khay đựng kéo vi phẫu	Khay đựng dụng cụ vi phẫu, có 3 giá silicon để cố định dụng cụ, nắp có tay xách, kích thước (274±1%) x 172 x 30 mm	1	Cái
152	Lọ nhựa 10ml loại nhỏ mắt	Chất liệu nhựa chịu nhiệt 70 độ, màu trắng đục, dung tích 10 ml, có nắp nhựa vặn và nút đậy nhỏ giọt.	12.000	Cái
153	Nắp sữa y tế	Nắp sữa y tế	33.851	Cái
154	Natri Bicarbonat	Muối natri bicarbonate, tinh thể màu trắng hoặc ngà, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát Dạng dược dụng.	160	Kg
155	Natri Chloride	Muối NaCl tinh khiết, dạng bột mịn, màu trắng. Dạng dược dụng.	190	Kg
156	Nẹp cổ cứng	Nguyên liệu được làm từ mút EVA với các lỗ thông hơi tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng	53	Cái
157	Nẹp cổ mềm các cỡ	Nẹp cổ mềm các cỡ Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu mút mềm, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập	120	Cái
158	Nút cao su	Chất liệu cao su bền, chịu nhiệt 100 độ, đường kính ngoài 3cm, đường kính trong 2cm.	100.000	Cái
159	Nút nhôm	Chất liệu nhôm chịu nhiệt 100 độ, đường kính 32mm. Không thôi ra chất khác, không rỉ sét.	100.000	Cái
160	Ống mở khí quản 1 nòng cho trẻ em các cỡ	Ống mở khí quản trẻ em không bóng các số 2,5, 3,0, 3,5, 4,0, 4,5, 5,0, 5,5, 6,0 tương đương với đường kính trong - ngoài: 2,5-3,6; 3,0-4,3; 3,5-5,0; 4,0-5,6; 4,5-6,3; 5,0-7,0; 5,5-7,6; 6,0-8,4 mm. Ống PVC mềm, không chứa DEHP. Tay cầm nòng dẫn hình vòng. Hai bên dây đeo cổ tạo thành 1 góc 120 độ về phía đầu	39	Bộ
161	Potassium Chloride 99,9% KCl	Muối kali chloride dạng bột mịn, không màu, tinh khiết dùng cho phân tích thí nghiệm.	25	Kg
162	Túi bệnh phẩm nội soi 10 x 14cm	Túi bệnh phẩm nội soi kích thước 10 x 14cm	500	Cái
163	Túi đựng bệnh phẩm nội soi 7(±1) cm x 11(±1) cm	Chất liệu màng PE trắng, 7(±1) cm x 11(±1) cm	1.000	Cái
164	Vaselin	Hỗn hợp tinh khiết ở dạng bán rắn. Nguyên liệu dược dụng dùng để làm thuốc	100	Kg

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
133	Ống mao quản hematocrite	Sử dụng cho việc lấy máu tĩnh mạch để xét nghiệm	78.810	Ống
134	Ống nối catheter đến bệnh nhân, dài 150 cm	Ống nối từ catheter đến bệnh nhân. Chất liệu: PVC. Chiều dài 150 cm	8	Cái
135	Ống thông (Catheter) trong chạy thận nhân tạo, loại 1 nòng các cỡ 8Fr, chiều dài 10cm, 15cm	Catheter làm bằng polyurethane loại thẳng, latex free, vô trùng, 1 đường, cỡ 8F dài 10/15cm, kim 18G dài 7cm, 1 dây dẫn dài 60cm, 2 cây nong	114	Cái
136	Ống thông dẫn đường loại dài (guiding catheter / sheath) hỗ trợ đưa dụng cụ vào lòng mạch các cỡ (FLEXOR ANSEL GUIDING SHEATH hoặc tương đương)	Ống thông dẫn đường loại dài. Kích cỡ: 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr, 9Fr, 10Fr, 12Fr, 13Fr, 14Fr, 16Fr. Chiều dài của Sheath 30cm, 45cm, 55cm, 63cm, 70cm, 80cm, 90cm, 110cm. *Đường kính Guide Wire 0.035, 0.038 inch.	30	Cái
137	Pipet pasteur thủy tinh 230mm không tiết trùng	Dùng để hút mẫu. Chất liệu: Thủy tinh sodalime, độ bền cao giảm nguy cơ vỡ khi sử dụng với quả bóp PVC. Chiều dài: 230mm. Độ dày thành pipette: 0,6mm. Không tiết trùng	6.000	Cái
138	Que mềm Nitrate Bạc 75%	Que Nitrate Bạc 75%, tay cầm có thể uốn cong.	1.920	Que
139	Túi chứa nước tiểu 100ml	Chất liệu nhựa PVC, có khóa có dây. Dung tích túi đến 100ml có dây treo, có van xả đáy	1.438	Cái
140	Túi chườm nóng	Túi chườm nóng giữ nhiệt, bằng cao su. Thể tích: 500cc, 1000cc, 1500cc, 2000cc	18	Cái
141	Van tim hai lá cơ học có khung chốt bảo vệ van	Van tim hai lá cơ học có khung chốt bảo vệ van	2	Cái
142	Vòng đệm bằng-chống loét	Dán lên vùng da không đề xung quanh hậu môn nhân tạo, giúp tạo ra bề phẳng hơn và ngăn chất thải không tiếp xúc với da. Dán chắc vào da, giúp bộ túi bám dính tốt hơn.	36	Cái
143	Bao đếm gạc phẫu thuật	Bảng đếm gạc phẫu thuật kích thước 35 x 83cm, được làm từ PE nguyên sinh hoặc giấy.	54	Cái
144	Bộ kim dùng trong nội soi điều trị thoát vị bẹn	Bộ kim dùng trong nội soi, gồm 3 kim: kim đâm, kim đưa chỉ, kim thu chỉ	100	Cái
145	Đai xương đôn từ 1 đến 9	Đai xương đôn từ 1 đến 9 Chất liệu vải cotton, nút xóp, khóa Velcro các số	236	Cái
146	Đai Zimmer từ 1-6	Chất liệu vải tổng hợp, có khung bằng thép giúp gia cố độ cứng. Có các nút thắt giúp cố định xương cẳng chân. Hỗ trợ cho các trường hợp bị gãy chân, bong gân, xoắn cơ, rách cơ, tai nạn	359	Cái
147	Dây dẫn lưu (penrose)	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, đã tiết trùng, sử dụng 01 lần. Chiều dài 290 ± 10mm, chiều rộng 25 ± 1mm, chiều dày 01 lớp ≥ 0,15mm	500	Cái
148	Dung dịch Glutaraldehyde 0,625%	Dung dịch Glutaraldehyde 0,625%. Thể tích tối thiểu 100ml	4	Chai

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
164	Vaselin	Hỗn hợp tinh khiết ở dạng bán rắn. Nguyên liệu được dụng dùng để làm thuốc	100	Kg
165	Vít tự tiêu 1,5 x 7mm; tiết trùng	Chất liệu sinh học với 82% Poly-L-Lactic Acid và 18% Poly-Glycolic, tự tiêu sau 12-18 tháng, cỡ 1,5 x 7mm	400	Cái
166	Ciment trám răng	Là chất trám thẩm mỹ thay thế silicate, có sự giãn nở theo nhiệt tương tự như cấu trúc răng. Xi măng trám răng, gồm 1 chai bột 15g và 8g dịch	48	Lọ
167	Kim điện cơ đồng tâm dùng một lần, các cỡ	Lõi ống bằng thép không gỉ. Tiết trùng. Cỡ 26G/30G, dài 25mm/37mm, diện tích ghi 0.03mm ² / 0.07mm ² , mũi vác 15° (độ).	488	Cái
168	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng chèn các cỡ	Ống mở khí quản hai nòng có bóng chèn, không có cửa sổ, các cỡ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 tương đương với đường kính trong, ngoài: 4,0-7,2; 5,0-8,6; 6,3-9,2; 7,3-10,4; 8,0-11,4; 9,0-12,5; 10,0-13,8 mm. Chất liệu: nhựa polyurethane. Bóng chèn áp lực thấp	22	Bộ
169	Ống thông Pezzer	Kích cỡ: 16Fr - 36Fr, dài 38 - 40 cm Bằng cao su tự nhiên, không có độc tính, không gây sốt, kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể, đầu ống hình quả bí có 3 lỗ thông	20	Cái
170	Ruy băng mực in dùng cho máy STERRAD 100S	Mực in dùng cho máy in máy tiết trùng sterrad 100S	45	Cái
171	Tấm điện cực trung tính REM dùng cho sơ sinh	Tấm điện cực trung tính REM dùng cho trẻ sơ sinh, loại dùng một lần không dây nối, kích thước 88x74mm, bề mặt hoạt động 33cm	2.000	Cái
172	Tấm điện cực trung tính REM, dùng cho trẻ em	Tấm điện cực trung tính REM dùng cho trẻ em, loại dùng một lần không dây nối, kích thước 148x90mm, bề mặt hoạt động 72cm	3.000	Cái
173	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde. Không gây mẫn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ pH trong khoảng 6,5-7,5. Can tối thiểu 5L	543	Can
174	Thẻ xét nghiệm độ đông máu ACT	Hóa chất chẩn đoán (IVD) dùng cho xét nghiệm nhanh tại chỗ (POCT), cho ra chỉ số đông máu Kaolin ACT	2.500	Thẻ
175	Đinh Elastic cho nhi các cỡ	Đinh nội tủy dẻo sử dụng cho nhi, đường kính 2,5mm, 3,0mm, 3,5mm. Chiều dài 500mm. Chất liệu thép không gỉ	188	Cái

Tên công ty:
Địa chỉ:
SĐT:

Phụ lục 2



BÁO GIÁ

Đính kèm Thông báo số: .../CC../TB-BVND2 ngày 04 tháng 04 năm 2024)

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Đồng 2

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Đồng 2, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ và email của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế trong danh mục của BV	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model ⁽²⁾	Mã HS ⁽³⁾	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Hãng sản xuất - Nước sản xuất ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ chưa bao gồm mục (16) và (17) (VNĐ)	Giá và Quyết định phê duyệt KQ LCNT trong vòng 120 ngày	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Tổng đơn giá (bao gồm VAT, thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan) (17) = (12) + (15) + (16)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ) (18) = (17) x (12)
(1)				(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	...																
2	...																
3	...																

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Bảng báo giá này có hiệu lực trong vòng ngày, [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm [ghi ngày... tháng ... năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – yêu cầu báo giá].
3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, moel, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (4) Mô tả dựa trên tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ thiết bị y tế (bao gồm hãng sản xuất, nước sản xuất và các thông tin khác liên quan).
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải qua, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.